

Số 470 /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 01 tháng 4 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và tin học  
cho tất cả sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1490/2013/QĐ-ĐHTDM ngày 06/3/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 279/2014/QĐ-ĐHTDM ngày 18/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ thường xuyên theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Ngoại ngữ, Trưởng khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trưởng khoa Công nghệ Thông tin,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và tin học cho tất cả sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một áp dụng từ năm học 2013-2014.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1704/QĐ-ĐHTDM ngày 07/11/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ cho các ngành đại học, cao đẳng đào tạo theo học chế tín chỉ.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng, khoa và sinh viên thuộc đối tượng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT, PHT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Hiệp



**CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC  
CHO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 470 ngày 01 tháng 4 năm 2014  
của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một)

**A. CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

**1. HỆ CAO ĐẲNG**

**1.1. Hình thức đào tạo Chính quy**

Sinh viên phải có một trong những chứng chỉ ngoại ngữ từ mức độ được quy định cụ thể dưới đây trở lên:

NGOẠI NGỮ	ĐƠN VỊ CẤP
- TOEFL PBT: 350	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- TOEIC: 350	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- IELTS: 3.5	- Đại học Cambridge
- EPT-UTDM: 35	- Đại học Thủ Dầu Một
- DELF: A1	- Bộ giáo dục Pháp
- HSK: A1	- Hanban - Trung Quốc
- TOCFL: A1	- Bộ giáo dục Đài Loan

**1.2. Hình thức đào tạo Thường xuyên (không chính quy)**

NGOẠI NGỮ	ĐƠN VỊ CẤP
- TOEFL PBT: 300	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- TOEIC: 300	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- IELTS: 3.0	- Đại học Cambridge
- EPT-UTDM : 30	- Đại học Thủ Dầu Một

**2. HỆ ĐẠI HỌC**

**2.1. Hình thức đào tạo Chính quy**

Sinh viên phải có một trong những chứng chỉ ngoại ngữ từ mức độ được quy định cụ thể dưới đây trở lên:

<b>NGOẠI NGỮ</b>	<b>ĐƠN VỊ CẤP</b>
- TOEFL PBT: 450	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- TOEIC: 450	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- IELTS: 4.5	- Đại học Cambridge
- EPT-UTM: 45	- Đại học Thủ Dầu Một
- DELF: A2	- Bộ giáo dục Pháp
- HSK: A2	- Hanban- Trung Quốc
- TOCFL: A2	- Bộ giáo dục Đài Loan

## **2.2. Hình thức đào tạo Thường xuyên (không chính quy)**

<b>NGOẠI NGỮ</b>	<b>ĐƠN VỊ CẤP</b>
- TOEFL PBT: 400	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- TOEIC: 400	- Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- IELTS: 4.0	- Đại học Cambridge
- EPT-UTM : 40	- Đại học Thủ Dầu Một
- DELF: A1	- Bộ giáo dục Pháp
- HSK: A1	- Hanban- Trung Quốc
- TOCFL: A1	- Bộ giáo dục Đài Loan

## **3. HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN ANH NGỮ**

### **3.1. Hình thức đào tạo Chính quy**

Sinh viên phải có một trong những chứng chỉ ngoại ngữ từ mức độ được quy định cụ thể dưới đây trở lên:

<b>NGOẠI NGỮ</b>	<b>ĐƠN VỊ CẤP</b>
- DELF: A1	- Bộ Giáo dục Pháp
- HSK: A1	- Hanban - Trung Quốc
- TOCFL: A1	- Bộ Giáo dục Đài Loan

### **3.2. Hình thức đào tạo Thường xuyên (không chính quy)**

<b>NGOẠI NGỮ</b>	<b>ĐƠN VỊ CẤP</b>
- DELF: A1	- Bộ Giáo dục Pháp
- HSK: A1	- Hanban - Trung Quốc
- TOCFL: A1	- Bộ Giáo dục Đài Loan

## 4. HỆ ĐẠI HỌC CHUYÊN ANH NGỮ

### 4.1. Hình thức đào tạo Chính quy

Sinh viên phải có một trong những chứng chỉ ngoại ngữ từ mức độ được quy định cụ thể dưới đây trở lên:

NGOẠI NGỮ	ĐƠN VỊ CẤP
- DELF: A2	- Bộ giáo dục Pháp
- HSK: A2	- Hanban- Trung Quốc
- TOCFL: A2	- Bộ giáo dục Đài Loan

### 4.2. Hình thức đào tạo Thường xuyên (không chính quy)

NGOẠI NGỮ	ĐƠN VỊ CẤP
- DELF: A1	- Bộ giáo dục Pháp
- HSK: A1	- Hanban- Trung Quốc
- TOCFL: A1	- Bộ giáo dục Đài Loan

## B. CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIN HỌC

Áp dụng cho các ngành đào tạo không chuyên tin học. Sinh viên phải có một trong những chứng chỉ tin học quốc gia từ mức độ được quy định cụ thể dưới đây trở lên:

Trình độ đào tạo	Chứng chỉ tin học quốc gia cần đạt trở lên	ĐƠN VỊ CẤP
Cao đẳng	A	- Các trường trong hệ thống ĐHQG TP Hồ Chí Minh, ĐHQG Hà Nội; Đại học SP TP Hồ Chí Minh; ĐHSP kỹ thuật TP Hồ Chí Minh; Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ Bình Dương;
Đại học	B	- Trường Đại học Thủ Dầu Một.

### Ghi chú:

1. **TOEIC** là tên viết tắt của Test of English for International Communication – là một chương trình thi cấp chứng chỉ nhằm đánh giá khả năng giao tiếp tiếng Anh

trong môi trường quốc tế. Đây là một chương trình rất uy tín do Viện Khảo Thí Giáo Dục Hoa Kỳ (ETS) xây dựng và quản lý.

2. **TOEFL** là tên viết tắt của Test of English as a Foreign Language – là một chương trình thi kiểm tra trình độ tiếng Anh (Mỹ). Bài kiểm tra TOEFL đánh giá kỹ năng hiểu và sử dụng tiếng Anh chuẩn Mỹ để có thể sử dụng ở bậc đại học đặc biệt là được yêu cầu khi nhập học ở hầu hết các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ. TOEFL PBT là hình thức thi kiểm tra trình độ tiếng Anh trên giấy khác với TOEFL iPT là hình thức thi kiểm tra trên máy tính.

3. **IELTS** là tên viết tắt của International English Language Testing System - là kỳ thi tiếng Anh phổ biến trên phạm vi toàn cầu dành cho các đối tượng muốn học tập và làm việc tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính. Chứng chỉ IELTS do Đại học Cambridge cấp.

7. **EPT-UTDM: English Proficiency Test** - Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo do trường Đại học Thủ Dầu Một cấp.

8. **DEL F** (Diplôme d'Etudes en Langue Francaise) là văn bằng chính thức chứng nhận trình độ tiếng Pháp cơ bản của Bộ Giáo dục Pháp. Chứng chỉ DELF tương thích với 6 trình độ kỹ năng của Hội đồng châu Âu và của Bộ giáo dục và Đào tạo. DELF có 6 bậc:

- A1, A2 : trình độ giao tiếp căn bản
- B1, B2 : trình độ giao tiếp độc lập
- C1, C2 : trình độ giao tiếp thông thạo

Khi ghi danh thi bất kỳ văn bằng DELF mới nào, thí sinh cũng sẽ thi 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Tại Việt Nam, Trung tâm thi DELF Khoa Pháp Đại học Sư phạm TP HCM là đơn vị tổ chức thi cho thí sinh khu vực miền Nam.

9. **HSK** là tên viết tắt của Hanyu Shuiping Kaoshi, do Trung tâm khảo thí trình độ tiếng Hán đặt tại Đại học Văn hóa và ngôn ngữ Bắc Kinh thiết kế. . HSK thể hiện trình độ tiếng Hán ở các mức độ khác nhau. Tại Việt Nam, đơn vị tổ chức thi đặt ở khoa Trung, ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Quốc Gia Hà Nội và khoa Trung ĐH Sư phạm TP HCM.

10. **TOCFL** là tên viết tắt của Test of Chinese as a Foreign Language là chứng chỉ do Đài Loan cấp chứng minh năng lực tiếng Hoa. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn và Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc TP.HCM phối hợp tổ chức “kỳ thi Năng lực Hoa ngữ (TOCFL)” tại Việt Nam. ✓